

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 6 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 9 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 11 - 27 |

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Thái Nguyên cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

| <u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u> | <u>Ngày</u> |
|-------------------------------|---------------------------|
| 4600483821 (điều chỉnh lần 2) | ngày 27 tháng 6 năm 2011 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 3) | ngày 23 tháng 10 năm 2014 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 4) | ngày 22 tháng 8 năm 2016 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 5) | ngày 12 tháng 9 năm 2016 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 6) | ngày 10 tháng 8 năm 2017 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 7) | ngày 17 tháng 8 năm 2017 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 8) | ngày 5 tháng 9 năm 2017 |

Theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8, Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư NHV từ tên cũ là Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch NHV theo Quyết định số 396/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa, mua bán nông sản và vật liệu xây dựng.

Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Tỉnh Thái Nguyên về Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào ngày 22 tháng 8 năm 2016 và ngày 5 tháng 9 năm 2017.

Công ty có trụ sở chính đăng ký hiện tại tại Tầng 4, Phòng 4.05, Khu chung cư kết hợp thương mại - văn phòng lô X (Sunrise City - North), số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Lưu Minh Thiện | Chủ tịch | bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Dương Thu Uyên | Chủ tịch | bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |
| | | miễn nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hồng Quang | Chủ tịch | miễn nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Phan Lưu Minh Thịnh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Dương Thu Uyên | Thành viên | bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Hoàng Thị Minh Hằng | Thành viên | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Lâm Thị Tố Hân | Thành viên | bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Lưu Minh Thiện | Thành viên | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| | | miễn nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Lý Kiến Nam | Thành viên | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hải Đăng | Thành viên | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Trần Thị Chinh | Thành viên | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Ngọc Hoa | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Lê Hà Thắng | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Lý Thị Thu Hương | Trưởng ban | từ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Quốc Trường | Thành viên | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Bà Phạm Thị Ngọc Hoa | Thành viên | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Đức Thắng | Thành viên | bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Đức Tiến | Thành viên | miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| | | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |
| | | miễn nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2017 |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thành Trung | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Dương Thu Uyên | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hải Đăng | Phó Giám đốc | miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| | | miễn nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Thành Trung | bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| Bà Dương Thu Uyên | bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | từ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2017 |
| | từ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2017 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Số tham chiếu: 61344754/19564023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

08
: ON
HNH
ST
IET
TP

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác và phát hành báo cáo chấp nhận toàn phần vào ngày 2 tháng 1 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1


Đinh Minh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3203-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 6.535.045.564 | 77.453.403.360 |
| 110 | I. Tiền | | 169.868.723 | 969.523.376 |
| 111 | 1. Tiền | 4 | 169.868.723 | 969.523.376 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | 4.500.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | 5 | - | 4.500.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 6.355.000.000 | 69.908.260.000 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | - | 56.883.260.000 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 55.000.000 | 25.000.000 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | - | 11.000.000.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | | 6.300.000.000 | 2.000.000.000 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | - | 2.049.500.000 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | 7 | - | 2.049.500.000 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 10.176.841 | 26.119.984 |
| 152 | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 10.176.841 | 26.119.984 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 37.051.842.284 | 14.547.070.916 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | - | - |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | - | - |
| 222 | Nguyên giá | | - | 34.900.000 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | - | (34.900.000) |
| 250 | II. Đầu tư tài chính dài hạn | | 37.000.000.000 | 14.520.000.000 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 9.1 | 5.000.000.000 | 7.500.000.000 |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 9.2 | 32.000.000.000 | 7.020.000.000 |
| 260 | III. Tài sản dài hạn khác | | 51.842.284 | 27.070.916 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 51.842.284 | 27.070.916 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 43.586.887.848 | 92.000.474.276 |

2017
CY
DU HU
JUN
.M
CHI


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 5.312.896.769 | 53.835.477.135 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 5.312.896.769 | 53.835.477.135 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 11 | 4.904.421.220 | 53.018.663.012 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12 | 60.957.713 | 816.814.123 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 40.657.129 | - |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 13 | 201.083.333 | - |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 14 | 105.777.374 | - |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 38.273.991.079 | 38.164.997.141 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 15 | 38.273.991.079 | 38.164.997.141 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 32.236.000.000 | 32.236.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 32.236.000.000 | 32.236.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 6.037.991.079 | 5.928.997.141 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 5.928.997.141 | 2.885.599.328 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 108.993.938 | 3.043.397.813 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 43.586.887.848 | 92.000.474.276 |




Phan Thị Khánh Dung
Người lập



Trần Thị Thủy
Kế toán trưởng




Nguyễn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|------------------|------------------|
| 10 | 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16.1 | 35.931.953.646 | 65.921.860.586 |
| 11 | 2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 17 | (34.306.479.596) | (63.084.703.083) |
| 20 | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.625.474.050 | 2.837.157.503 |
| 21 | 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 16.2 | 879.445 | 705.682.355 |
| 22 | 5. Chi phí tài chính | | (100.000) | - |
| 25 | 6. Chi phí bán hàng | | (38.523.060) | (48.750.000) |
| 26 | 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18 | (1.359.048.312) | (498.852.750) |
| 30 | 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 228.682.123 | 2.995.237.108 |
| 31 | 9. Thu nhập khác | | 700.000 | 1.401.400.000 |
| 32 | 10. Chi phí khác | 19 | (60.036.947) | (498.915.172) |
| 40 | 11. (Lỗ) lợi nhuận khác | | (59.336.947) | 902.484.828 |
| 50 | 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 169.345.176 | 3.897.721.936 |
| 51 | 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 21.1 | (60.351.238) | (854.324.123) |
| 60 | 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 108.993.938 | 3.043.397.813 |



Phan Thị Khánh Dung
Người lập



Trần Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 169.345.176 | 3.897.721.936 |
| | <i>Điều chỉnh cho khoản:</i> | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (200.000) | (243.115.861) |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 169.145.176 | 3.654.606.075 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 52.569.203.143 | (34.474.375.943) |
| 10 | Giảm hàng tồn kho | | 2.049.500.000 | 3.035.303.083 |
| 11 | (Giảm) tăng các khoản phải trả | | (47.766.117.481) | 49.382.899.757 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (24.771.368) | (2.749.324) |
| 13 | Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh | | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | 12 | (816.814.123) | (613.896.990) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 10.680.145.347 | 16.481.786.658 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 300.000 | - |
| 23 | Tiền chi cho vay | | - | (11.000.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 11.000.000.000 | - |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (37.000.000.000) | - |
| 26 | Tiền thu hồi các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 14.519.900.000 | - |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay | | - | 705.682.355 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (11.479.800.000) | (10.294.317.645) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | - | (5.300.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | - | (5.300.000.000) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---------------------------------|-------------|---------------|-------------|
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (799.654.653) | 887.469.013 |
| 60 | Tiền đầu năm | | 969.523.376 | 82.054.363 |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 169.868.723 | 969.523.376 |

Dung

Thủy



Nguyễn Thành Trung

Phan Thị Khánh Dung
Người lập

Trần Thị Thủy
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Thái Nguyên cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

| <u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u> | <u>Ngày</u> |
|-------------------------------|---------------------------|
| 4600483821 (điều chỉnh lần 2) | ngày 27 tháng 6 năm 2011 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 3) | ngày 23 tháng 10 năm 2014 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 4) | ngày 22 tháng 8 năm 2016 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 5) | ngày 12 tháng 9 năm 2016 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 6) | ngày 10 tháng 8 năm 2017 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 7) | ngày 17 tháng 8 năm 2017 |
| 4600483821 (điều chỉnh lần 8) | ngày 5 tháng 9 năm 2017 |

Theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8, Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư NHV từ tên cũ là Công ty Cổ phần Nam Hà Việt Thái.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch NHV theo Quyết định số 396/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa, mua bán nông sản và vật liệu xây dựng.

Công ty đã chuyển trụ sở chính từ Tỉnh Thái Nguyên về Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh lần lượt vào ngày 22 tháng 8 năm 2016 và ngày 5 tháng 9 năm 2017.

Công ty có trụ sở chính đăng ký hiện tại tại Tầng 4, Phòng 4.05, Khu chung cư kết hợp thương mại - văn phòng lô X (Sunrise City – North), số 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 32).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên NHV Quảng Trị ("NHV Quảng Trị"), một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3200641905 do SKHĐT Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11 tháng 7 năm 2017. Hoạt động chính của NHV Quảng Trị là kinh doanh khoáng sản, vật liệu xây dựng. NHV Quảng Trị có trụ sở đăng ký tại Khóm 6, Thị trấn Hải Lăng, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của NHV Quảng Trị.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập như trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị 5 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

| | VND | |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Tiền mặt | 77.183.614 | 143.601.720 |
| Tiền gửi ngân hàng | 92.685.109 | 825.921.656 |
| TỔNG CỘNG | 169.868.723 | 969.523.376 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Hưng ("Việt Hưng"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0900987607 do SKHĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 7 tháng 3 năm 2016. Hoạt động chính của Việt Hưng là kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 450.000 cổ phần, tương đương với 45% tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Việt Hưng với số tiền là 4.500.000.000 VND. Việc chuyển nhượng cổ phần này đã được thông qua bởi Hội đồng Quản trị Công ty, căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2017/NHV/NQ-HĐQT ký ngày 27 tháng 6 năm 2017.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

| | VND | |
|---|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | - | 56.883.260.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Công TNHH Nhấn Hồng Ngọc Việt | - | 29.937.400.000 |
| Công ty TNHH Hải Sơn | - | 19.362.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Xuất khẩu Hưng Yên | - | 5.481.660.000 |
| Khác | - | 2.102.200.000 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 55.000.000 | 25.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình | 30.000.000 | - |
| Bà Vũ Thị Thu Hoài | 25.000.000 | - |
| Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long | - | 25.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | 11.000.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 22) | - | 11.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 6.300.000.000 | 2.000.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 22) | 6.300.000.000 | 2.000.000.000 |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 6.355.000.000 | 69.908.260.000 |

7. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|----------|-------------|---------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Hàng hóa | - | 2.049.500.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | VND |
|--------------------------------|----------------------------|
| | <i>Máy móc và thiết bị</i> |
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 34.900.000 |
| Thanh lý | <u>(34.900.000)</u> |
| Số cuối năm | <u>-</u> |
| Giá trị khấu hao lũy kế | |
| Số đầu năm | 34.900.000 |
| Thanh lý | <u>(34.900.000)</u> |
| Số cuối năm | <u>-</u> |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm và số cuối năm | <u>-</u> |

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | VND | | | |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
| | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> | <i>Giá gốc</i> | <i>Dự phòng</i> |
| Đầu tư vào công ty con | 5.000.000.000 | - | 7.500.000.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | <u>32.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>7.020.000.000</u> | <u>-</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>37.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>14.520.000.000</u> | <u>-</u> |

Công ty Cổ phần Đầu tư NHV
(trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Hà Việt Thái)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào công ty con

| Tên công ty con | Tình trạng hoạt động | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------|----------------------|------------------|----------------------|
| | | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc VND | Tỷ lệ sở hữu (%) | Giá gốc VND |
| Công ty TNHH Một Thành viên NHV Quảng Trị (i) | Đang hoạt động | 100 | 5.000.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á (ii) | Đang hoạt động | - | - | 75 | 7.500.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | | 5.000.000.000 | | 7.500.000.000 |

(i) Công ty TNHH Một Thành viên NHV Quảng Trị ("NHV Quảng Trị") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKDN số 3200641905 do SKHĐT Tỉnh Quảng Trị cấp ngày 11 tháng 7 năm 2017. Hoạt động chính của NHV Quảng Trị là kinh doanh khoáng sản, vật liệu xây dựng.

(ii) Công ty Cổ phần Nông sản Nam Á ("Nam Á") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNEKDN số 6400290907 do SKHĐT Tỉnh Đắk Nông cấp ngày 6 tháng 11 năm 2013. Hoạt động chính của Nam Á là kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 750.000 cổ phần, tương đương với 75% tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Nam Á. Việc chuyển nhượng cổ phần này đã được thông qua bởi Hội đồng Quản trị Công ty, căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2017/NHV/NQ-HĐQT ký ngày 27 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị VND | % sở hữu | Giá trị VND | % sở hữu |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị | 32.000.000.000 | 10 | - | - |
| Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công | - | - | 3.600.000.000 | 18 |
| Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật | - | - | 3.420.000.000 | 19 |
| TỔNG CỘNG | 32.000.000.000 | | 7.020.000.000 | |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | VND | |
|------------------|-------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công cụ, dụng cụ | 51.842.284 | 27.070.916 |

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Phúc Ngọc Huy | 4.077.193.620 | - |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Hải Lưu | - | 15.605.000.000 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Xuân Phát | - | 11.802.600.000 |
| Công ty TNHH Đức Hòa Đắc Lắc | - | 6.308.000.000 |
| Doanh nghiệp Tự nhân Thương mại Đại Phát | - | 5.595.000.000 |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 22) | - | 3.585.738.012 |
| Người bán khác | 827.227.600 | 10.122.325.000 |
| TỔNG CỘNG | 4.904.421.220 | 53.018.663.012 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | | | | VND |
|-----------------------|--------------------|--------------------|------------------------|-------------------|
| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
| Thuế TNDN | 816.814.123 | 60.351.238 | (816.814.123) | 60.351.238 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 215.000.926 | (215.000.926) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 15.946.563 | (15.340.088) | 606.475 |
| TỔNG CỘNG | 816.814.123 | 291.298.727 | (1.047.155.137) | 60.957.713 |

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|-------------------------------|--------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí lương tháng 13 | 117.083.333 | - |
| Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp | 84.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | 201.083.333 | - |

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|--|--------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 22) | 96.357.214 | - |
| Khác | 9.420.160 | - |
| TỔNG CỘNG | 105.777.374 | - |

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | VND | | |
|---------------------------|----------------|-----------------------------------|----------------|
| | Vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Năm trước | | | |
| Số đầu năm | 32.236.000.000 | 2.885.599.328 | 35.121.599.328 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 3.043.397.813 | 3.043.397.813 |
| Số cuối năm | 32.236.000.000 | 5.928.997.141 | 38.164.997.141 |
| Năm nay | | | |
| Số đầu năm | 32.236.000.000 | 5.928.997.141 | 38.164.997.141 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 108.993.938 | 108.993.938 |
| Số cuối năm | 32.236.000.000 | 6.037.991.079 | 38.273.991.079 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Cổ phiếu

| | <i>Số cổ phiếu</i> | |
|---|--------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành | 3.223.600 | 3.223.600 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 3.223.600 | 3.223.600 |

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Tổng doanh thu | 35.931.953.646 | 65.921.860.586 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu bán hàng hóa</i> | 22.475.279.500 | 65.571.860.586 |
| <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i> | 13.456.674.146 | 350.000.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu đối với bên khác</i> | 22.475.279.500 | 60.581.600.000 |
| <i>Doanh thu đối với bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 22)</i> | 13.456.674.146 | 5.340.260.586 |

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|------------------|----------------|--------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Lãi tiền gửi | 879.445 | 682.355 |
| Lãi cho vay | - | 705.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 879.445 | 705.682.355 |

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 21.362.723.818 | 62.934.703.083 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 12.943.755.778 | 150.000.000 |
| | 34.306.479.596 | 63.084.703.083 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 667.714.576 | 252.493.509 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 666.011.877 | 216.000.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 20.535.859 | 23.787.040 |
| Chi phí khác | 4.786.000 | 6.572.201 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.359.048.312</u> | <u>498.852.750</u> |

19. CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|-------------------------|--------------------------|---------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Phạt vi phạm hành chính | 45.963.255 | 36.348.678 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | - | 462.566.494 |
| Khác | 14.073.692 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>60.036.947</u> | <u>498.915.172</u> |

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 21.362.723.818 | 62.934.703.083 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 12.943.755.778 | 150.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 706.237.636 | 301.243.509 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 666.011.877 | 216.000.000 |
| Chi phí khác | 25.321.859 | 30.359.241 |
| TỔNG CỘNG | <u>35.704.050.968</u> | <u>63.632.305.833</u> |

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|--|-------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 60.351.238 | 816.814.123 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong năm trước | - | 37.510.000 |
| TỔNG CỘNG | 60.351.238 | 854.324.123 |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|--|--------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 169.345.176 | 3.897.721.936 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 33.869.035 | 779.544.387 |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Các chi phí không được trừ | 26.482.203 | 37.269.736 |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong năm trước | - | 37.510.000 |
| Chi phí thuế TNDN | 60.351.238 | 854.324.123 |

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|---|---|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| | | | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị | Bên liên quan | Góp vốn | 32.000.000.000 | - |
| | | Cung cấp dịch vụ | 13.456.674.146 | - |
| Công ty TNHH Một Thành viên NHV Quảng Trị | Công ty con | Cho mượn không lãi suất | 6.300.000.000 | - |
| | | Góp vốn | 5.000.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Bên liên quan | Thu hồi khoản cho vay Cho vay | 6.000.000.000 - | - 6.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Hải Đăng | Thành viên Hội đồng Quản Trị (đến ngày 7 tháng 7 năm 2017) | Thu hồi khoản cho vay Cho vay | 5.000.000.000 - | - 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh | Bên liên quan (đến ngày 8 tháng 7 năm 2017) | Thanh toán tiền dịch vụ sử dụng | 3.585.738.012 | - |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên Hội đồng Quản Trị (đến ngày 7 tháng 7 năm 2017) | Thu hồi khoản tạm ứng Tạm ứng | 2.000.000.000 - | - 2.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Solavina | Bên liên quan (đến ngày 8 tháng 7 năm 2017) | Bán hàng hóa | - | 5.340.260.586 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

| | | | | | VND | |
|---|--|---------------------------|--------------------|-------------------|-----|--|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> | | |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | | | | |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Bên liên quan (đến ngày 8 tháng 7 năm 2017) | Cho vay | - | 6.000.000.000 | | |
| Ông Nguyễn Hải Đăng | Thành viên Hội đồng Quản Trị (đến ngày 7 tháng 7 năm 2017) | Cho vay | - | 5.000.000.000 | | |
| | | | - | 11.000.000.000 | | |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | | | | |
| Công ty TNHH Một Thành viên NHV Quảng Trị | Công ty con | Cho mượn không lãi suất | 6.300.000.000 | - | | |
| Ông Nguyễn Ngọc Anh | Thành viên Hội đồng Quản Trị (đến ngày 7 tháng 7 năm 2017) | Tạm ứng | - | 2.000.000.000 | | |
| | | | 6.300.000.000 | 2.000.000.000 | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Quang Anh | Bên liên quan (đến ngày 8 tháng 7 năm 2017) | Cung cấp dịch vụ | - | 3.585.738.012 | | |
| Phải trả ngắn hạn khác | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản VICO Quảng Trị | Công ty liên quan | Cung cấp dịch vụ | 96.357.214 | - | | |

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

| | | VND | |
|--------------------------|--|-------------|------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Lương, thù lao và thưởng | | 250.083.333 | 96.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm nay. Chi tiết như sau:

| | <i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i> | <i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i> | <i>Số đầu năm (được phân loại lại)</i> |
|--|---|--|--|
| <i>VND</i> | | | |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | | | |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) | - |
| <i>VND</i> | | | |
| | <i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i> | <i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i> | <i>Năm trước (được phân loại lại)</i> |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | | | |
| Tăng chứng khoán kinh doanh | - | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Tăng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4.500.000.000 | (4.500.000.000) | - |

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phan Thị Khánh Dung
Người lập



Trần Thị Thủy
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018